

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28/02/2022.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Bình**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông **Lê Văn Thuyền**

2. Bà **Ngô Hồng Xuân**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*** Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bao Hồng D**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp NI, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp NI, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 08/02/2022 nguyên đơn chị Bao Hồng D trình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị D và anh Đ có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiền hành đăng ký

kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng nửa năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với chị Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị D xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu Lê Như Ý, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007. Hiện tại cháu Lê Như Ý đã lớn và đã trưởng thành còn cháu Lê Hữu Duy thì đang sống với chị D. Chị D xác định do cháu Ý đã lớn nên chị không yêu cầu giải quyết, còn cháu Duy thì tùy theo nguyện vọng của cháu muốn theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho cháu Duy.

Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị D không có yêu cầu gì khác.

**\* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2022 bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 2000, anh Đ và chị D có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng nửa năm nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý;

Về con chung: Anh Đ xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị D có 02 người con chung là cháu Lê Như Ý, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007. Hiện tại cháu Ý đã lớn và đã trưởng thành còn cháu Duy thì đang sống với chị D. Anh Đ xác định do cháu Ý đã lớn nên anh không yêu cầu giải quyết, còn cháu Duy thì anh đồng ý giao cho chị D nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải Tòa án quyết.

Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu gì khác.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 cho chị Bao Hồng D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hữu Duy nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bao Hồng D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp NI, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị D và anh Đ.

*Về nội dung vụ án:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bao Hồng D yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh Đ thừa nhận vào năm 2000 chị D và anh Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị D xin ly hôn với chị Đoàn thì anh Đ cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh Đ xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Lê Như Ý, sinh ngày 12/12/2000 và cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007. Hiện tại cháu Ý đã lớn và đã trưởng thành, còn cháu Duy thì đang sống chung với chị D. Chị D và anh Đ xác định do cháu Ý đã lớn nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 thì chị D yêu cầu nuôi dưỡng và anh Đ cũng đồng ý giao cháu Lê Hữu Duy cho chị D nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 hiện đang sống ổn định với chị D. Bên cạnh đó, cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 có nguyện vọng được theo sống chung với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bao Hồng D phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hữu Duy, sinh ngày 11/5/2007 cho chị Bao Hồng D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về tài sản chung: Chị Bao Hồng D và anh Lê Văn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bao Hồng D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Bao Hồng D đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006114, ngày 08/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Văn Bình**



## CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

## THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC THADS huyện Hồng Dân ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Văn Bình**